TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-PT
Ngày 20- 02- 2020
V/v Tranh chấp xin hôn và chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:**Ông Nguyễn Văn Hùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Ông Phạm Công Mười

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc- Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cáo tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:Nguyễn Trí Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2019/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DSST ngày 19 tháng 12 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:115/2020/QĐPT ngày 13 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1936 (có mặt).

Cư trú: số A, đường X, khóm P, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

-*Bị đơn:*Bà Lê Thị Nguyệt Y, sinh năm 1958 (có mặt).

Cư trú: số A, đường X, khóm P, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y: Bà Cao Thị L, sinh năm 1979, địa chỉ: số A6 đường số C, phường C, quận Thủ Đức, TP.HCM (có mặt).

-*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Bích T, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Cư trú: # 106.02, West Logetre Toronoto ON.M6K2T4 Canada.

Chỗ ở hiện tại: 10014 westbourne Place, Philadelphia, PA 19114, USA (Hoa Kỳ):

-*Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thành L, bị đơn bà Lê Thị Nguyệt Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lvà bà Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang số 168 quyển số 02 ngày 29/5/2007, vợ chồng không có con chung. Tại bản án số 82/2018/DSST ngày19tháng12năm2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên ông L và bà Y được ly hôn và giải quyết quan hệ về tài sản chung. Các bên đương sự không kháng cáo về quan hệ hôn nhân, chỉ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về tài sản là nhà đất tại số 45 đường Rạch xéo Thoại, phường Mỹ Quí, TP. Long Xuyên.

Theo nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02803 (BM615685) ngày 28/8/2013 do UBND Tp.Long Xuyên cấp mang tên ông là tài sản riêng của ông do chị Nguyễn Bích T con gái riêng của ông đã bỏ tiền ra mua và đã tự nguyện tặng cho riêng ông, không phải là tài sản riêng của bà Y nên ông không đồng ý chia theo yêu cầu của bà Y. Về văn bản cam kết ngày 04/4/2011 ông xác định nội dung văn bản không liên quan đến tài sản nhà đất đang tranh chấp, vì khi đó ông chưa đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Bị đơn bà Lê Thị Nguyệt Y trình bày và có yêu cầu phản tố như sau:

Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số CH02803 (BM615685) ngày 28/8/2013 do UBND Tp.Long Xuyên cấp mang tên ông Nguyễn Thành L là tài sản riêng của bà, không phải của ông L. Nguồn gốc nhà đất này do bà Y trực tiếp mua của bà Huỳnh Thị Mai, địa chỉ tại 664/27C khóm Đông Thịnh 3, phường Mỹ Phước, TP. Long Xuyên. Bà Y có nhờ con riêng của ông L là bà Nguyễn Bích T đứng tên dùm nên lập thủ tục chuyển nhượng từ tên chủ cũ là ông Võ Minh Thành, bà Quách Thị Kim Hằng qua tên bà T. Do đó bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cùng ngày 12/3/2007. Bà yêu cầu ông L trả lại cho bà nhà và đất, bà đồng ý giao cho ông 20% giá trị nhà đất. Bà yêu cầu ông L chuyển quyền sở hữu tài sản từ tên ông Nguyễn Thành L sang tên bà để xác lập quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với nhà đất vì ông L đã lập văn bản cam kết về tài sản ngày 04/4/2011 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Mỹ L do ông Nguyễn Long Thanh (Nguyễn Thành L) cam kết là tài sản riêng của bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Bích Tcó đơn xin xét xử vắng mặt, không đến tòa, không có lời khai tại tòa.Bà T là con riêng của ông L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 82/2018/DSST ngày 19 tháng 12 năm 2018,Toà án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Nguyệt Y đối với tài sản là căn nhà số 37/7 Lê Chân nay là số 45 Rạch Xéo Thoại, phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang là tài sản riêng của bà Y.

Tài sản căn nhà số 45 phường Mỹ Quí thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang gắn liền với diện tích đất 108,8m^2, tài sản nhà và đất có giá trị chung là 781.465.000 đồng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02803 (BM615685) ngày 28/8/2013 do Uỷ ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp mang tên ông Nguyễn Thành L là tài sản riêng của ông L.

Bà Lê Thị Nguyệt Y được giữ nhà và đất, bà có nghĩa vụ hoàn trả giá trị nhà đất có số tiền 781.465.000 đồng (Bảy trăm tám mươi một triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Thành L sở hữu.

Thời gian bà Lê Thị Nguyệt Y thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho ông Nguyễn Thành L là 06 tháng (Sáu tháng), kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

Bà Lê Thị Nguyệt Y thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao tiền cho ông Nguyễn Thành L thì đồng thời ông L có nghĩa vụ thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02803 (BM615685) ngày 28/8/2013 do Uỷ ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp tên ông Nguyễn Thành L sang tên bà Lê Thị Nguyệt Y. Mọi chi phí phát sinh trong quá trình chuyển quyền sở hữu tài sản bà Lê Thị Nguyệt Y tự chịu.

Ông Nguyễn Thành L được quyền lưu cư 06 tháng (Sáu tháng) để chuẩn bị nơi ở khác, thời gian thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành.

Ông Nguyễn Thành Long phải trích công sức đóng góp cho bà Lê Thị Nguyệt Y có số tiền là 234.439.500 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Thời gian ông Nguyễn Thành L thực hiện giao tiền là 06 tháng (Sáu tháng), kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chi phí tố tụng: Ông L [hải giao lại cho bà Y 5.868.150đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quan hệ hôn nhân, thỏa thuận về phân chia tài sản chung khác, án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông L và bà Y đều có kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản lien quan đến nhà đất đang tranh chấp.

Ngày 20/12/2018 ông Nguyễn Thành L kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, lý docấp sơ thẩm giao nhà đất cho bà Y để trả giá trị cho ông

781.465.000 đồng, trích công sức đóng góp cho bà Y số tiền 234.439.500 đồng và buộc ông chịu chi phí tố tụng là 5.868.150 đồng là không phù hợp. Ông yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm công nhận tài sản căn nhà và đất là tài sản riêng của ông và phải giao cho ông quyền quản lý, định đoạt, ông chỉ đồng ý hỗ trợ bà Y 50.000.000 đồng và xem xét thời gian lưu cư là 03 tháng cho bà Y.

Ngày 03/01/2019 bà Lê Thị Nguyệt Y kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận căn nhà và đất tọa lạc tại số 37/7 Lê Chân nay số 45 Rạch Xéo Thoại, phường Mỹ Quý, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang là tài sản riêng của bà. Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông L chuyển tên giấy chứng nhận cho bà, bà đồng ý hỗ trợ ông L 20% giá trị.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Y thay đổi yêu cầu kháng cáo, bà xác định nhà đất trên là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, bà yêu cầu được sở hữu nhà đất và bà trả cho ông L ½ giá trị nhà đất trên.

Tại phiên tòa hôm nay các đương sự trình bày:

Ông L trình bày: Nhà đất trên do bà T là con ông mua, bà T đứng tên nhà đất, tiền là của ông L, việc mua nhà đất này sao khi ông và bà Y tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn, sau này mới đăng ký kết hôn, nhà đất này không liên quan đến bà Y. Giấy tờ nhà đất bản chính bà Y đang giữ là do ông để trong nhà, bà Y tự ý lấy. Quá trình sử dụng sau này có sửa chữa lớn, tiền sửa nhà do ông đưa cho bà Y sửa nhà, sửa hết bao nhiêu ông không nắm được nhưng sửa nhiều.

Bà Y trình bày: Nhà đất trên là do bà mua của bà Mai, trả tiền cho bà Mai, sau đó bà nhờ bà T là con ông L đứng tên do khi đó gia đình bà đang có tranh chấp, tiền mua nhà bà Y là người trả cho bà Mai sau đó bà Mai làm thủ tục sang tên từ chủ cũ sang tên bà T, mua nhà sau khi vợ chồng tổ chức đám cưới nhưng chưa đăng ký kết hôn, giấy trả tiền cho bà Mai đã thất lạc, hiện bà đang giữ bản chính giấy tờ nhà đất, quá trình sử dụng có sửa chữa nhà hết 150 triệu đồng. Đề nghị chia đôi tài sản nhà đất này, bà yêu cầu được sở hữu, sử dụng nhà đất trên và trả cho ông L ½ giá trị nhà đất do hiện tại bà không còn chỗ ở nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng các thủ tục tố tụng.

Về nội dung kháng cáo của hai bên: Bà Y không có chứng cứ chứng minh về việc trả tiền mua nhà và nhờ bà T đứng tên nhà đất. Nhà đất là của ông L nhờ bà T đứng tên, không có việc bà T chuyển hượng nhà đất trên cho bà Y nên cam kết ngày 04/4/2011 của ông L không phải là căn cứ công nhận quyền sở hữu nhà cho bà Y. Nay ông L và bà Y đã ly hôn, bà Y không có nhà nào khác nên giao nhà đất cho bà Y, bà hoàn trả cho ông L giá trị nhà. Về công sức đóng góp của bà Yên trong việc quản lý, sửa chữa nhà, cấp sơ thẩm tính 30% cho bà Y là có căn cứ. Đề nghị bác kháng cáo của các bên, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Bích T, cư trú: # 106.02, West Logetre Toronoto ON.M6K2T4 Canada. Chỗ ở hiện tại: 10014 westbourne Place, Philadelphia, PA 19114, USA (Hoa Kỳ) có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt của bà T.

Xét kháng cáo của ông L, bà Y thấy rằng:

[2] Nguồn gốc căn nhà và đất tại số 37/7 đường Lê Chân, nay là số 45 đường Rạch Xéo Thoại, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên là do bà Nguyễn Bích T chuyển nhượng hợp pháp của ông Võ Minh Thành, bà Quách Thị Kim Hằng ngày 15/01/2007 và hợp đồng chuyển nhượng đất được công chứng tại Văn phòng công chứng số 1 tỉnh An Giang, đến ngày 14/8/2013 bà T đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (cho riêng) ông Nguyễn Thành L và công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang. Đến ngày 28/8/2013 ông Nguyễn Thành L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

[3] Bà Y cho rằng nguồn tiền mua nhà đất là tiền riêng của bà đưa bà T mua giùm, bà Y có cung cấp bản sao y tờ giấy ủy quyền của bà T đề ngày 8/5/2010, văn bản cam kết của ông L đề ngày 04/4/2011, theo kháng cáo của bà Y thì các giấy tờ này có nội dung xác nhận nhà đất trên là tài sản của riêng bà Y, nay bà Y xác nhận nhà đất là tài sản chung vợ chồng, mua sau khi tổ chức đám cưới, bà là người sửa nhà hết 150 triệu.

Xét thấy:

Giấy ủy quyền ngày 08/5/2010 có nội dung: Bà Nguyễn Bích T xác nhận cha bà là ông Nguyễn Thành L có nhờ bà T đứng tên mua một căn nhà với giấy chứng nhận QSDĐ số HO 16961A trên thửa đất 117 tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại địa chỉ số 37/7 đường Lê Chân, phường Mỹ Quý, TP.Long Xuyên. Nay bà T giao lại tài sản này cho ông L toàn quyền sở hữu, sử dụng.

Văn bản cam kết về tài sản ngày 04/4/2011 có nội dung ông L cam kết như sau: Nhà và đất tọa lạc tại đường đá, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên do vợ ông L là bà Y sẽ nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Bích T hoàn toàn bằng tiền riêng của vợ ông L, ông L không có bất cứ sự đóng góp nào đối với việc nhận chuyển nhượng tài sản trên. Bà Y là chủ sở hữu căn nhà và đất trên và được toàn quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với nhà đất trên.

Theo nội dung trong các văn bản trên thì thấy giấy ủy quyền ngày 08/5/2010 có nội dung bà T xác nhận nhà đất tọa lạc tại số 37/7 đường Lê Chân(nay là số 45 đường Rạch Xéo Thoại), phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên

là của ông L, bà T chỉ đứng tên mua giùm ông L. Văn bản này không có nội dung nào liên quan đến bà Y.

Văn bản cam kết về tài sản ngày 04/4/2011 thể hiện ông L không liên quan và không có quyền lợi hay đóng góp gì vào nhà đất mà bà Y sẽ chuyển nhượng của bà T, nhà tọa lạo tại đường đá, khóm Mỹ Phú, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên. Bà T không ký văn bản này. Tuy nhiên bà T không chuyển nhượng nhà đất cho bà Y mà tặng cho ông L nhà đất này. Như vậy, không có thỏa thuận nào giữa bà T và bà Y, văn bản cam kế về tài sản ngày 04/4/2011 không phải là căn cứ xác định nhà đất trên là của bà Y.

Ngoài hai tài liệu trên, bà Y không có tài liệu chứng cứ nào khác có xác nhận của ông L, bà T về việc xác nhận quyền sở hữu nhà và QSDĐ nên trên cho bà Y. Bà Y không có chứng cứ chứng minh bà Ytrả tiền nhà đất hoặc đưa tiền cho bà T mua nhà đất trên. Mặt khác, tại thời điểm bà T nhận chuyển nhượng nhà đất (tháng 1/2007) thì giữa bà Y và ông Lcó tổ chức đám cưới nhưng đăng ký kết hôn nên chưa là vợ chồng nên không có cơ sở kết luận nhà đất là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Đối với bà T không có lời khai tại tòa án (bà T chỉ có đơn xin xét xử vắng mặt) nhưng bà T có xác nhận nhà đất trên do bà mua giùm ông L (theo nội dung giấy ủy quyền ngày 08/5/2010). Sau này, năm 2013 bà T đã làm hợp đồng tặng cho ông L nhà đất trên. Hiện tại ông L đã được cấp giấy chưng nhận QSDĐ từ năm 2013 nhưng khi đó bà Y không có ý kiến gì, giấy chứng nhận QSDĐ bản chính bà Y đang giữ.

Như vậy, có cở sở kết luận nhà đất trên là của ông L do bà T tặng cho, nguồn gốc nhà đất này do bà T mua giúp ông L từ tháng 1/2007, trước khi LLđăng ký kết hôn với bà Y nên đây là tài sản riêng của ông L.

Cấp sơ thẩm kết luận nhà đất trên là tài sản riêng của ông L là có cơ sở.

[4]-Sau khi mua nhà thì vợ chồng ông L ở căn nhà này và có sửa chữa theo bà Y hết 150 triệu, tại phiên tòa hôm nay bà Y có nộp các tài liệu về sửa chữa nhà (giấy mua vật tư). Bà Y có công sức trong việc quản lý, sửa chữa nhà. Cấp sơ thẩm tính công sức của bà Y trong việc quản lý nhà là 30% (234.439.500đ) là có căn cứ. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa tính cho bà Y chi phí sửa chữa nhà là chưa bảo đảm quyền lợi cho bà Y, nên sửa một phần án sơ thẩm, xác định bà Y bỏ ra 75 triệu đồng chi phí sửa nhà nên tổng số tiền bà Y được hưởng là 234.439.500đ + 75.000.000đ = 309.000.000đ (tính tròn số).

Nay bà Y là nữ, không có chỗ ở nào khác nên giao cho bà Y được sở hữu nhà, sử dụng đất và buộc bà Y hoàn trả giá trị căn nhà cho ông L sau khi trừ công sức, chi phí của bà Y, cụ thể bà Y phải hoàn trả cho ông L: 781.465.00đ - 309.000.000đ = 472.465.000đ.

Cấp sơ thẩm giao nhà cho bà Y là phù hợp.

Vì vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Y, không chấp nhận kháng cáo của ông L, sửa một phần án sơ thẩm như nhận định trên.

[5]- Đối với kháng cáo của ông L về chi phí tố tụng: Ông L, bà Y ly hôn, có tranh chấp tài sản và ông L phải trả cho bà Y khoản tiền công sức của bà Y trong khối tài sản công nhận cho ông L nên mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo này của ông L.

[6]- Về về án phí: Ông L, bà Y phải chịu án phí có giá ngạch nhưng đều là người cao tuổi nên miễn án phí sơ thẩm cho ông L, bà Y.

Án phí phúc thẩm: Ông L, bà Ykhông phải chịu.

[7] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Thành L, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị Nguyệt Y; sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 82/2018/HNGĐ-ST ngày 19-12-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang như sau:

Căn cứ các điều: 59, 63Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Nguyệt Yvề việc yêu cầu công nhận tài sản là căn nhà số 37/7 Lê Chân (nay là số 45 Rạch Xẻo Thoại), phường Mỹ Quý, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang là tài sản riêng của bà Y.

2. Giao cho bà Lê Thị Nguyệt Y được quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đấttọa lạc tại số 45 đường Rạch Xéo Thoại, phường Mỹ Quí thành phố L Xuyên tỉnh An Giang, đất có diện tích 108,8m^2,nhà đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH02803 (BM615685) ngày 28/8/2013 do Uỷ ban nhân dân thành phố L Xuyên cấp mang tên ông Nguyễn Thành L.

Bà Y có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L 472.465.000đ (bốn trăm bảy hai triệu bốn trăm sáu lăm ngàn đồng).

Ông L được quyền lưu cư 06 tháng (Sáu tháng) kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Y có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

3. *Về chi phí tố tụng khác:*

Ông Nguyễn Thành L và bà Lê Thị Nguyệt Y, mỗi người phải chịu số tiền 5.868.150 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm năm chục đồng). Ông L phải có nghĩa vụ giao lại cho bà Y số tiền 5.868.150 đồng (Năm triệu tám trăm sáu mươi tám ngàn một trăm năm chục đồng). Bà Y đã thực hiện xong.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

4.Về án phí:

-Án phí hôn nhân gia đình: Ông Nguyễn Thành L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn.Hoàn lại cho ông L 200.000 đồng tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0009368 ngày 19/10/2015 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang.

-Án phí giá ngạch: Ông Nguyễn Thành L, bà Lê Thị Nguyệt Yphải chịu nhưng được miễn. Hoàn lại cho bà Y 4.938.000 đồng tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0009825 ngày 14/6/2016 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

-Án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu. Hoàn lại cho bà Y 300.000 đồng tiền tạm ứng theo Biên lai thu số 0002606 ngày 04/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và cấp phúc thẩm không xem xét các phần quyết định này.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 20/02/2020.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
-Chi Cục THADS thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (Án-TLQ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng